

Số: 538 /QĐ-UBND

Trần Đề, ngày 19 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi đầu tư phát triển và dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2023, huyện Trần Đề

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước, ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Trần Đề về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Trần Đề năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Trần Đề về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, huyện Trần Đề;

Theo Tờ trình số: 61/TTr-PTCKH, ngày 19/01/2023 của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố công khai số liệu dự toán chi đầu tư phát triển và dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2023, huyện Trần Đề (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP (NC-LT) *u*



CHỦ TỊCH

[Signature]
Lưu Hữu Danh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ

Biểu số 52/CK-NSNN



**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 537/QĐ-UBND, ngày 19/01/2023
của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	QUY HOẠCH		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	81.547,000	53.711,884							25.988,239	25.988,239		3,335	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	42.927,000	15.091,884							25.988,239	25.988,239		3,335	
1	Nguồn cân đối ngân sách địa phương	27.927,000	15.091,884							10.988,239	10.988,239		3,335	
a	Thanh toán chuyển tiếp	6.345,400	1.073,826							5.268,239	5.268,239		3,335	
1	Cầu bê tông Đầy Hương 3 (trạm y tế xã)	71,188								71,188	71,188			
2	Cầu bê tông Đầy Hương 2 (Miếu Đầy Hương 2)	280,887								280,887	280,887			
3	NCMR đường bê tông Nông Trường cá ấp Bờ Đập	907,840								907,840	907,840			
4	Nâng cấp, mở rộng đường Bung Cóc nổi dài	174,410								174,410	174,410			
5	Đường bê tông từ đầu Dơi đến kênh Quốc Hội (giai đoạn 5)	173,615								173,615	173,615			
6	Đường bê tông từ nhà ông Thạch Sóc Khên đến nhà ông Lâm Sách Tha	280,348								280,348	280,348			
7	Cầu bê tông nhà ông Thạch Hol qua nhà ông Thạch Hu	53,517								53,517	53,517			
8	Đường bê tông Sóc Đơm - Lịch Hội Thượng	222,976								222,976	222,976			
9	Đường bê tông xóm chùa	319,059								319,059	319,059			
10	Nâng cấp đường bê tông từ cầu Cách Ly đến cổng Sáu Quê (QL. Nam sông Hậu)	683,005								683,005	683,005			
11	Nâng cấp đường bê tông giáp ranh thị trấn Lịch Hội Thượng	72,500								72,500	72,500			



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	QUY HOẠCH		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Nâng cấp mở rộng đường bê tông chợ Viên Bình đến trường mẫu giáo Viên Bình (giai đoạn 1)	328,376								328,376	328,376			
13	Nâng cấp đường bê tông Thạnh Ninh - Thạnh Thới An	121,925								121,925	121,925			
14	Cầu trên tuyến đường bê tông Thạnh Ninh qua Thạnh Thới An	355,051								355,051	355,051			
15	Nâng cấp mở rộng đường bê tông khu 5	386,639								386,639	386,639			
16	Cầu bê tông 3 tháng 2	75,646								75,646	75,646			
17	Nâng cấp đường bê tông 22/12 kết hợp làm cống thoát nước	623,715								623,715	623,715			
18	Đường bê tông từ nhà ông Đình Nhỏ đến nhà Trần Thanh Tây	103,534								103,534	103,534			
19	Đường bê tông cấp kênh Bung Lức	34,008								34,008	34,008			
20	Nâng cấp BND các ấp	3,335											3,335	
21	Trường tiểu học Thạnh Thới Thuận 2	751,460	751,460											
22	Trường mẫu giáo Liễu Tú	322,366	322,366											
b	Công trình khởi công mới:	19.738,058	14.018,058							5.720,000	5.720,000			
1	Cầu Thạch Huôt ấp Tiếp Nhứt	1.100,000								1.100,000	1.100,000			
2	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông từ UBND xã đến Ngã ba Chùa	1.500,000								1.500,000	1.500,000			
3	Đường bê tông từ nhà ông Thao Ngọc Linh đến nhà ông Lâm Lệnh	910,000								910,000	910,000			
4	Hẻm 1,2,4,5,6 đường 30/4	680,000								680,000	680,000			
5	Hẻm 1,2,3,4 đường 19/5	580,000								580,000	580,000			
6	Đường hẻm nhà ông Trà Sét, hẻm nhà bà Ếs, hẻm nhà ông Kim Nghét	950,000								950,000	950,000			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	QUY HOẠCH		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Xây dựng hạ tầng Trường tiểu học Tài Văn 1 đạt chuẩn quốc gia	1.750,058	1.750,058											
8	Xây dựng nhà đa năng trường tiểu học Đại Ân 2A	3.763,000	3.763,000											
9	Xây dựng 10 phòng học trường tiểu học Đại Ân 2B	5.005,000	5.005,000											
10	Xây dựng hạ tầng Trường Tiểu học Tài Văn 2 đạt chuẩn quốc gia	1.750,000	1.750,000											
11	Xây dựng hạ tầng Trường Mẫu giáo Thạnh Thới An đạt chuẩn quốc gia	1.750,000	1.750,000											
c	Dự phòng chưa phân khai (Đối ứng vốn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số)	1.843,542												
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	15.000,000								15.000,000	15.000,000			
	Công trình khởi công mới:	15.000,000								15.000,000	15.000,000			
1	Xây dựng mới cầu bê tông Đầy Hương 1 (Nhà Ông Chệt)	1.100,000								1.100,000	1.100,000			
2	Cầu Ngang sông nhà Út Trường ấp Trà Đức	1.000,000								1.000,000	1.000,000			
3	Đường bê tông xóm 1	1.600,000								1.600,000	1.600,000			
4	Cầu bê tông qua sông kênh ông Sua	1.050,000								1.050,000	1.050,000			
5	Cầu bê tông qua kênh Thanh Thượng (trước nhà ông Chiến)	770,000								770,000	770,000			
6	02 cầu trên tuyến đường bên sông kênh Tiếp Nhứt	1.650,000								1.650,000	1.650,000			
7	Xây dựng mới Cầu kênh 3 Nguyễn	820,000								820,000	820,000			
8	Nâng cấp 02 Cầu bê tông đoạn đường tỉnh 935- Cầu kênh Giếng Mã	1.200,000								1.200,000	1.200,000			
9	Đường bê tông kênh Ông Kinh (Cổng 2)	2.670,000								2.670,000	2.670,000			
10	Đường bê tông cấp Kênh 01 trong	930,000								930,000	930,000			
11	Nâng cấp đường bê tông Khu Dân Cư số 5	650,000								650,000	650,000			
12	Nâng cấp tuyến lộ địa l từ nhà ông Si đến lò sậy ông Hui	1.000,000								1.000,000	1.000,000			



[illegible]

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 537/QĐ-UBND, ngày 19/01/2023
của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Nguồn vốn ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số					150.914	80.177	68.800	38.945	23.374	20.280	81.547,000	42.927,000	38.620,000	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					82.114	80.177	-	18.665	23.374	-	42.927,000	42.927,000	-	
1	Nguồn cân đối ngân sách địa phương					59.729	57.792	-	18.665	23.374	-	27.927,000	27.927,000	-	
a	Thanh toán chuyển tiếp					34.274	34.274	-	18.665	23.374	-	6.345,400	6.345,400	-	
1	Cầu bê tông Đầy Hương 3 (trạm y tế xã)	Xã Thanh Thới An	45m x 3,3m	2021-2023	3480/QĐ-UBND 27/10/2021	1.047	1.047		800	800		71	71		
2	Cầu bê tông Đầy Hương 2 (Miếu Đầy Hương 2)	Xã Thanh Thới An	36mx3,3m	2021-2023	3485/QĐ-UBND 27/10/2021	1.201	1.201		800	800		281	281		
3	NCMR đường bê tông Nông Trường cá áp Bờ Đập	xã Viên An	3.300 m x 3 m	2021-2023	3488/QĐ-UBND 27/10/2021	3.573	3.573		2.043	2.043		908	908		
4	Nâng cấp, mở rộng đường Bung Cóc nổi dài	xã Đại Ân 2	850m x 3m; cầu 24m x 3,4m	2021-2023	3494/QĐ-UBND 27/10/2021	1.726	1.726		1.400	1.400		174	174		
5	Đường bê tông từ đầu Dơi đến kênh Quốc Hội (giai đoạn 5)	xã Đại Ân 2	Đường: 450m x3m Cầu: 36m x 3,3m	2021-2023	3495/QĐ-UBND 27/10/2021	2.034	2.034		1.700	1.700		174	174		
6	Đường bê tông từ nhà ông Thạch Sóc Khên đến nhà ông Lâm Sách Tha	xã Tài Văn	1.400m x 3m	2021-2023	3489/QĐ-UBND 27/10/2021	1.829	1.829		1.400	1.400		280	280		
7	Cầu bê tông nhà ông Thạch Hol qua nhà ông Thạch Hu	xã Tài Văn	21m x 3m; đường vào cầu 70m x 3m	2021-2023	3490/QĐ-UBND 27/10/2021	901	901		800	800		54	54		
8	Đường bê tông Sóc Đom – Lịch Hội Thượng	xã Liêu Tú	1.222m x 3m	2021-2023	3210/QĐ-UBND 27/10/2020	1.606	1.606		1.200	1.200		223	223		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn								
							Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Đường bê tông xóm chùa	xã Liêu Tú	1.000m x 3m	2021-2023	3482/QĐ-UBND 27/10/2021	1.480	1.480		1.032	1.032		319	319		
10	Nâng cấp đường bê tông từ cầu Cách Ly đến công Sáu Quê (QL. Nam sông Hậu)	xã LH. Thượng	3.052m x 3m	2021-2023	3220/QĐ-UBND 27/10/2020	2.368	2.368		1.500	1.500		683	683		
11	Nâng cấp đường bê tông giáp ranh thị trấn Lịch Hội Thượng	xã LH. Thượng	505,5m x 3m	2021-2023	3492/QĐ-UBND 27/10/2021	730	730		590	590		73	73		
12	Nâng cấp mở rộng đường bê tông chợ Viên Bình đến trường mẫu giáo Viên Bình (giai đoạn 1)	xã Viên Bình	Đường: 1.700m x 3m Cầu: 12m x 3m	2021-2023	3209/QĐ-UBND 27/10/2020	2.187	2.187		1.700	1.700		328	328		
13	Nâng cấp đường bê tông Thanh Ninh - Thanh Thới An	Xã Thanh Thới Thuận	804,2m x 3m	2021-2023	3201/QĐ-UBND 27/10/2020	914	914		700	700		122	122		
14	Cầu trên tuyến đường bê tông Thanh Ninh qua Thanh Thới An	Xã Thanh Thới Thuận	27,8m x 3,3m	2021-2023	3202/QĐ-UBND 27/10/2020	1.369	1.369		900	900		355	355		
15	Nâng cấp mở rộng đường bê tông khu 5	xã Trung Bình	Đường mở rộng 2m lên 3m: 540m x3m; đường làm mới 367m Rãnh thoát nước: 570m	2021-2023	3231/QĐ-UBND 27/10/2020	1.657	1.657		1.200	1.200		387	387		
16	Cầu bê tông 3 tháng 2	xã Trung Bình	36m x 3m	2021-2023	3493/QĐ-UBND 27/10/2021	1.064	1.064		900	900		76	76		
17	Nâng cấp đường bê tông 22/12 kết hợp làm cống thoát nước	thị trấn Trần Đề	Đường: 1.100m *2,5m Mương thoát nước: 1.100m	2021-2023	3484/QĐ-UBND 27/10/2021	1.997	1.997			1.300		624	624		
18	Đường bê tông từ nhà Ông Đình Nhỏ đến nhà Trần Thanh Tây	TT LH. Thượng	501,67m x 3m	2021-2023	3228/QĐ-UBND 27/10/2020	890	890			700		104	104		
19	Đường bê tông cấp kênh Bung Lức	thị trấn Lịch Hội Thượng	625m x 2m	2021-2023	3491/QĐ-UBND 27/10/2021	597	597			500		34	34		
20	Nâng cấp BND các ấp	thị trấn Trần Đề	cải tạo 04 nhà văn hóa ấp	2021-2023	3483/QĐ-UBND 27/10/2021	658	658			600		3	3		
21	Trường tiểu học Thanh Thới Thuận 2	xã TTT	xây mới 04 phòng học	2021-2023	3486/QĐ-UBND 27/10/2021	2.290	2.290			1.300		751	751		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú		
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Chia theo nguồn vốn	
						Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT		Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT		Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
22	Trường mẫu giáo Liễu Tú	Xã LT	Diện tích: 286m2	2021-2023	3205/QĐ-UBND 27/10/2020	2.156	2.156			309		322	322				
b	Công trình khởi công mới:					25.455	23.518					19.738	19.738				
1	Cầu Thạch Huôt ấp Tiếp Nhựt	xã Viên An	40m x 3m	2023-2025	3733/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.192	1.192					1.100	1.100				
2	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông từ UBND xã đến Ngã ba Chùa	xã Đại Ân 2	Đường dal đậm vá, sửa chữa rãnh	2023-2025	3722/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.837	1.837					1.500	1.500				
3	Đường bê tông từ nhà ông Thao Ngọc Linh đến nhà ông Lâm Lệnh	xã Tài Văn	1,0 Km *3,0 m	2023-2025	3736/QĐ-UBND, 24/10/2022	986	986					910	910				
4	Hẻm 1,2,4,5,6 đường 30/4	tt Trần Đề	350m x 2m' -2,5m	2023-2025	3716/QĐ-UBND, 24/10/2022	734	734					680	680				
5	Hẻm 1,2,3,4 đường 19/5	tt Trần Đề	250m x 2m	2023-2025	3717/QĐ-UBND, 24/10/2022	530	530					580	580				
6	Đường hẻm nhà ông Trà Sét, hẻm nhà bà És, hẻm nhà ông Kim Nghét	tt Trần Đề	630m x 3m	2023-2025	3718/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.029	1.029					950	950				
7	Xây dựng hạ tầng Trường tiểu học Tài Văn 1 đạt chuẩn quốc gia	xã Tài Văn		2023-2025	3714/QĐ-UBND, 24/10/2022	2.082	2.082					1.750	1.750				
8	Xây dựng nhà đa năng trường tiểu học Đại Ân 2A	xã Đại Ân 2	Nhà đa năng	2023-2025	2602/QĐ-UBND, 08/7/2022	5.700	3.763					3.763	3.763				
9	Xây dựng 10 phòng học trường tiểu học Đại Ân 2B	xã Đại Ân 2	10 phòng học, sân đường, hàng rào, nhà xe, thiết bị	2023-2025	3735/QĐ-UBND, 24/10/2022	7.268	7.268					5.005	5.005				
10	Xây dựng hạ tầng Trường Tiểu học Tài Văn 2 đạt chuẩn quốc gia	Tài Văn		2023-2025	3731/QĐ-UBND, 24/10/2022	2.007	2.007					1.750	1.750				
11	Xây dựng hạ tầng Trường Mẫu giáo Thạnh Thới An đạt chuẩn quốc gia	Thạnh Thới An		2023-2025	3730/QĐ-UBND, 24/10/2022	2.091	2.091					1.750	1.750				
c	Dự phòng chưa phân khai (Đối ứng vốn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số)											1.843,542	1.843,542				
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất						22.385	22.385	-	-	-	-	15.000,000	15.000,000	-		

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			
						Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT		Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Công trình khởi công mới:					22.385	22.385	-	-	-	-	15.000,000	15.000,000	-	
1	Xây dựng mới cầu bê tông Đầy Hương 1 (Nhà Ông Chệt)	xã TT An	Cầu 45m*3m	2021-2023	3195/QĐ-UBND 27/10/2020	1.059	1.059					1.100,000	1.100,000		
2	Cầu Ngang sông nhà Út Trường ấp Trà Đức	xã Viên An	Đường 1.800m Cầu (24+9)m*3m	2021-2023	3197/QĐ-UBND 27/10/2020	4.226	4.226					1.000,000	1.000,000		
3	Đường bê tông xóm 1	xã Liêu Tú	L=700m x 3m Cầu= 21m x 3m	2023	3740/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.457	1.457					1.600	1.600		
4	Cầu bê tông qua sông kênh ông Súa	xã Lịch Hội Thượng	Cầu: 20,0m*3,5m	2023	3734/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.208	1.208					1.050	1.050		
5	Cầu bê tông qua kênh Thanh Thượng (trước nhà ông Chiến)	xã Lịch Hội Thượng	Cầu: 13,0m*3,5m	2023	3715/QĐ-UBND, 24/10/2022	2.179	2.179					770	770		
6	02 cầu trên tuyến đường bên sông kênh Tiếp Nhựt	xã Viên Bình	02 cầu 54m x 3,5m	2023	3724/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.240	1.240					1.650	1.650		
7	Xây dựng mới Cầu kênh 3 Nguyễn	xã TTT	25m x 3,3m	2023	3725/QĐ-UBND, 24/10/2022	826	826					820	820		
8	Nâng cấp 02 Cầu bê tông đoạn đường tỉnh 935- Cầu kênh Giếng Mả	xã TTT	Cầu 1: 25m x 3,5 Cầu 2: 8m x 3,3m	2023	3720/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.921	1.921					1.200	1.200		
9	Đường bê tông kênh Ông Khinh (Cổng 2)	xã Trung Bình	đường 1,5 km*3,0m; 2 cầu 40m x 3m + cổng	2023	3739/QĐ-UBND, 24/10/2022	887	887					2.670	2.670		
10	Đường bê tông cấp Kênh O1 trong	tt Trần Đề	600m x 3m	2023	3737/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.541	1.541					930	930		
11	Nâng cấp đường bê tông Khu Dân Cư số 5	thị trấn Lịch Hội Thượng	0,5Km*3,0m	2023	3729/QĐ-UBND, 24/10/2022	4.134	4.134					650	650		
12	Nâng cấp tuyến lộ đal từ nhà ông Si đến lò sấy ông Hui	thị trấn Lịch Hội Thượng	0,7 Km*3,0m	2023	3719/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.002	1.002					1.000	1.000		
13	Nâng cấp tuyến đường bê tông từ cầu Hội đồng qua chợ cũ đến cầu Thanh Vân. Nâng cấp 02 tuyến đường cấp 2 bên chợ cũ	thị trấn Lịch Hội Thượng	350m*3,0m	2023	3727/QĐ-UBND, 24/10/2022	704	704					560	560		
II	NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT					68.800	-	68.800	20.280	-	20.280	38.620	-	38.620	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022			Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT		Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn TBSMT từ nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a	Thanh toán chuyển tiếp					28.900	-	28.900	20.280	-	20.280	8.620	-	8.620	
1	Nâng cấp, xây dựng trường THCS Trung Bình	xã Trung Bình	XD đạt chuẩn	2022	3501/QĐ-UBND, 28/10/2021	14.000		14.000	10.000		10.000	4.000		4.000	
2	Trường mẫu giáo Liêu Tú	xã Liêu Tú	XD đạt chuẩn	2022	3500/QĐ-UBND, 28/10/2021	14.900		14.900	10.280		10.280	4.620		4.620	
b	Công trình khởi công mới:					39.900	-	39.900	-	-	-	30.000		30.000	
3	Nâng cấp, xây dựng Trường Tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng B	TT LHT	10 phòng học; khu quản trị và các hạng mục phụ	2021-2023	3742/QĐ-UBND, 24/10/2022	13.000		13.000				10.000		10.000	
4	Trường mẫu giáo Thạnh Thới An	xã TTA	10 phòng học; khu quản trị và các hạng mục phụ	2021-2023	3743/QĐ-UBND, 24/10/2022	14.900		14.900				10.000		10.000	
5	Trường tiểu học Tài Văn 2	xã Tài Văn	10 phòng học; khu quản trị và các hạng mục phụ	2021-2023	3744/QĐ-UBND, 24/10/2022	12.000		12.000				10.000		10.000	